

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PTTgCP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, VP, BĐKH (Pn).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW
ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng
quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP
ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động
thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết); trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phân công rõ trách nhiệm và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao tại Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ.

- Tăng cường giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị được phân công chủ trì nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này chủ động lập kế hoạch, đề xuất nhiệm vụ và nguồn lực để triển khai thực hiện bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, thống nhất, hiệu quả và đồng bộ với các chương trình, kế hoạch có liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các đơn vị trực thuộc Bộ với các Bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong bảo đảm an ninh năng lượng

a) Chú trọng tuyên truyền, nâng cao ý thức, thay đổi hành vi sử dụng năng lượng; phát động, triển khai hiệu quả các phong trào trong cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về chuyển đổi năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường. Phổ biến, nhân rộng các mô hình, giải pháp sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng vùng, địa phương, nhất là các mô hình tự sản xuất, tự tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp.

b) Cấp ủy và lãnh đạo các đơn vị xác định rõ bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia gắn với mục tiêu phát triển ngành là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt; cần nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển ngành gắn với bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, chú trọng công tác bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng

a) Hoàn thiện và tổ chức triển khai hiệu quả chính sách, pháp luật về địa chất và khoáng sản; rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong cấp phép cho các dự án về năng lượng.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển mạnh các hệ thống xử lý chất thải, xử lý phế phẩm, phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp có thu hồi năng lượng; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ các-bon thấp, trung hòa các-bon.

c) Cải cách triệt để các thủ tục hành chính, cắt giảm 30 - 50% thời gian thực hiện, chi phí tuân thủ và điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi trong đầu tư, kinh doanh, xây dựng, vận hành các dự án năng lượng.

d) Phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan sửa đổi, hoàn thiện và triển khai các chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các nguồn năng lượng.

3. Phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng

a) Xây dựng và triển khai chiến lược quản lý, sử dụng, dự trữ và bảo vệ khoáng sản chiến lược phục vụ phát triển năng lượng.

b) Mở rộng tìm kiếm, thăm dò, nâng cao chất lượng công tác đánh giá trữ lượng và tài nguyên (than); khẩn trương nghiên cứu công nghệ, phương pháp thích hợp để thăm dò bể than sông Hồng.

c) Hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường, tạo điều kiện để các nhà máy nhiệt điện than hiện có nâng cấp công nghệ, nâng cao hiệu suất.

4. Thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế về giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phối hợp với các ngành, lĩnh vực liên quan rà soát, triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, nhất là trong ngành năng lượng phù hợp với tình hình phát triển đất nước và sự hỗ trợ của quốc tế.

b) Nghiên cứu áp dụng quy định tiêu chuẩn các-bon. Xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (hệ thống MRV) phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon, phát triển thị trường các-bon trong nước, kết nối với thị trường quốc tế.

c) Ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến, hiệu quả cao và thân thiện môi trường. Phối hợp hoàn thiện khung khổ pháp lý, thúc đẩy phát triển công nghệ thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng các-bon, nhất là trong sản xuất điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

d) Triển khai rộng rãi mô hình kinh tế tuần hoàn, tận dụng phế thải từ sản xuất công nghiệp và phế phẩm, phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp làm nhiên liệu sản xuất năng lượng. Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt chuẩn quốc tế tại các nhà máy điện. Phát triển hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục để giám sát chặt chẽ các thông số môi trường tại các dự án năng lượng. Tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường trong sản xuất và vận hành các nhà máy điện.

đ) Tổ chức thường trực theo dõi tình hình thiên tai; xây dựng và cập nhật thường xuyên kịch bản biến đổi khí hậu.

e) Chủ động nghiên cứu, đánh giá tác động của các công trình kênh, hồ, đập ở các quốc gia có chung dòng sông với nước ta đến việc vận hành của các nguồn điện trong nước; xây dựng kịch bản ứng phó, giải quyết các tác động cực đoan về hạn hán, thiếu nước. Chú trọng sửa chữa, nâng cấp, sử dụng lại nguồn nước các đập thủy điện, rà soát quy trình vận hành, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, bảo đảm tuyệt đối an toàn công trình và vùng hạ du.

g) Đề xuất giải pháp và triển khai các hoạt động tăng cường khả năng hấp thụ các-bon rừng, nâng cao chất lượng rừng, phục vụ mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon.

5. Huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng

Phối hợp hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo nhỏ và vừa, các dự án vừa sản xuất, vừa tiêu thụ năng lượng; có chính sách đặc thù hỗ trợ nông hộ, trang trại, hợp tác xã ở vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng tự phát triển năng lượng tái tạo để phục vụ sản xuất nông nghiệp; hoàn thiện hệ thống pháp luật thực thi hợp đồng, giải quyết tranh chấp; có cơ chế đặc thù để xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng phát triển năng lượng tồn đọng kéo dài, gây lãng phí nguồn lực xã hội.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững ngành năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ xanh từ các quốc gia tiên tiến. Tích cực tham gia các sáng kiến, cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước.

b) Tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách trong triển khai các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và ứng phó biến đổi khí hậu, gắn với việc bảo vệ các lợi ích và an ninh quốc gia.

Các nội dung, nhiệm vụ cụ thể, đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện nhiệm vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục các nhiệm vụ và phân công triển khai thực hiện kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Biến đổi khí hậu

Chủ trì theo dõi việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ xem xét, gửi Bộ Công Thương để báo cáo Chính phủ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Hằng năm cân đối và bố trí các nguồn kinh phí để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện lồng ghép các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này vào quá trình triển khai các chương trình, kế hoạch khoa học và công nghệ của ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì, phối hợp với Cục Biến đổi khí hậu và các đơn vị có liên quan tiếp tục vận động các tổ chức, đối tác quốc tế hỗ trợ nguồn lực, công nghệ và chuyên gia để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo yêu cầu của Kế hoạch này.

5. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 6), hằng năm (trước ngày 25 tháng 11) báo cáo Bộ kết quả thực hiện (qua Cục Biến đổi khí hậu) để tổng hợp, gửi Bộ Công Thương để báo cáo Chính phủ./.

Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 70-NQ/TW 20 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ BẢO ĐẢM AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 328/NQ-CP NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 70-NQ/TW

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/ kết quả	Cấp phê duyệt/ ban hành	Thời hạn hoàn thành
I	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong bảo đảm an ninh năng lượng					
1	Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW, Nghị quyết số 328/NQ-CP và Kế hoạch của Bộ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW và Nghị quyết số 328/NQ-CP.	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Chương trình, kế hoạch, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành	Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ	Năm 2025
2	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển ngành gắn với bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; bảo đảm chất lượng, tiến độ các dự án phát triển năng lượng.	Văn phòng Bộ; các Cục có liên quan (theo chức năng nhiệm vụ)	Các cơ quan, đơn vị, đối tượng được kiểm tra	Kế hoạch kiểm tra; Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/ kết quả	Cấp phê duyệt/ ban hành	Thời hạn hoàn thành
II	Hoàn thiện thể chế, chính sách để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng					
1	Hoàn thiện và tổ chức triển khai hiệu quả pháp luật về địa chất và khoáng sản	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế; các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các cấp thẩm quyền	Năm 2025
2	Rà soát, hoàn thành việc tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong cấp phép cho các dự án về năng lượng; có cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội để thu hút và triển khai các dự án năng lượng quan trọng, cấp bách của quốc gia.	Cục Quản lý đất đai; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Môi trường; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; Cục Khí tượng Thủy văn (theo chức năng, nhiệm vụ)	Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch - Tài chính; các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách	Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025
3	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển mạnh các hệ thống xử lý chất thải, xử lý phế phẩm, phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp có thu hồi năng lượng.	Cục Môi trường; Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/ kết quả	Cấp phê duyệt/ ban hành	Thời hạn hoàn thành
4	Đề xuất chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy sản xuất và sử dụng năng lượng sinh khối bền vững từ phụ phẩm trong lâm nghiệp, gắn với quản lý rừng bền vững.	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
5	Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ các-bon thấp hướng tới trung hoà các-bon.	Cục Biến đổi khí hậu	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
6	Cải cách triệt để các thủ tục hành chính, cắt giảm 30 - 50% thời gian thực hiện, chi phí tuân thủ và điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi trong đầu tư, kinh doanh, xây dựng, vận hành các dự án năng lượng.	Các Cục liên quan (theo chức năng, nhiệm vụ)	Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Quyết định cắt giảm thủ tục hành chính (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
III	Phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng					
1	Xây dựng các quy định, yêu cầu xử phạt cụ thể về sử dụng đất, mặt biển đối với các nhà đầu tư đăng ký phát triển các dự án năng lượng nhưng chậm hoặc không triển khai.	Cục Quản lý đất đai; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách; văn bản chỉ đạo, điều hành	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2026
2	Mở rộng tìm kiếm, thăm dò, nâng cao chất lượng công tác đánh giá trữ lượng và tài nguyên (than); nghiên cứu công nghệ, phương pháp thích hợp để thăm dò bể than sông Hồng.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách; văn bản chỉ đạo, điều hành; Quyết định phê duyệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/ kết quả	Cấp phê duyệt/ ban hành	Thời hạn hoàn thành
3	Hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường, tạo điều kiện để các nhà máy nhiệt điện than hiện có nâng cấp công nghệ, nâng cao hiệu suất.	Cục Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Cơ chế, chính sách; văn bản chỉ đạo, điều hành (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
4	Xây dựng và triển khai chiến lược quản lý, sử dụng, dự trữ và bảo vệ khoáng sản chiến lược phục vụ phát triển năng lượng.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Quyết định phê duyệt Chiến lược/Kế hoạch thực hiện Chiến lược	Thủ tướng Chính phủ	- Năm 2026: hoàn thành xây dựng Chiến lược - Giai đoạn 2026-2030: triển khai thực hiện.
5	Điều tra, tìm kiếm, đánh giá tiềm năng địa nhiệt trên lãnh thổ Việt Nam; nghiên cứu công nghệ, phương pháp thích hợp để khai thác, sử dụng hiệu quả.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản, các đơn vị có liên quan	Chương trình/ Kế hoạch; Quyết định phê duyệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
IV	Thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế về giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu					
1	Nghiên cứu áp dụng quy định tiêu chuẩn các-bon; xây dựng và hoàn thiện hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định phát thải khí nhà kính (hệ thống MRV) phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.	Cục Biến đổi khí hậu	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Chương trình/ Kế hoạch; Quyết định phê duyệt; Cơ chế, chính sách	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2026

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/kết quả	Cấp phê duyệt/ban hành	Thời hạn hoàn thành
2	Xây dựng cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon, phát triển thị trường các-bon trong nước, kết nối với thị trường quốc tế.	Cục Biến đổi khí hậu	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Quyết định phê duyệt; Cơ chế, chính sách	Thủ tướng Chính phủ	Năm 2025 - 2026
3	Xây dựng cơ chế ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến, hiệu quả cao và thân thiện môi trường.	Cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Chương trình/Kế hoạch; Quyết định phê duyệt; Cơ chế, chính sách	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
4	Triển khai rộng rãi mô hình kinh tế tuần hoàn, tận dụng phế thải từ sản xuất công nghiệp làm nhiên liệu sản xuất năng lượng. Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt chuẩn quốc tế tại các nhà máy điện. Phát triển hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục để giám sát chặt chẽ các thông số môi trường tại các dự án năng lượng. Tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường trong sản xuất và vận hành các nhà máy điện.	Cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Chương trình/Kế hoạch; Quyết định phê duyệt; Cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
5	Tổ chức thường trực theo dõi tình hình thiên tai; tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.	Cục Quản lý đề điều và Phòng chống thiên tai	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Văn bản chỉ đạo; Báo cáo tổng hợp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/ kết quả	Cấp phê duyệt/ ban hành	Thời hạn hoàn thành
6	Xây dựng và cập nhật thường xuyên kịch bản biến đổi khí hậu.	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu; các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Kịch bản cập nhật theo quy định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
7	Chủ động nghiên cứu, đánh giá tác động của các công trình kênh, hồ, đập ở các quốc gia có chung dòng sông với nước ta đến việc vận hành của các nguồn điện trong nước; xây dựng kịch bản ứng phó, giải quyết các tác động cục đoạn về hạn hán, thiếu nước. Chú trọng sửa chữa, nâng cấp, sử dụng lại nguồn nước các đập thủy điện, rà soát quy trình vận hành, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, bảo đảm tuyệt đối an toàn công trình và vùng hạ du.	Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Khí tượng Thủy văn; Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; Văn phòng thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam (theo chức năng, nhiệm vụ)	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Chương trình/ Kế hoạch; Quyết định phê duyệt; Cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
8	Rà soát, sửa đổi các quy trình vận hành liên hồ chứa theo hướng linh hoạt, vận hành tối ưu, hiệu quả nguồn nước cấp cho các mục đích sử dụng.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Chương trình/ Kế hoạch	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
9	Xây dựng kịch bản nguồn nước phục vụ điều hòa phân phối tài nguyên nước nhằm chủ động ứng phó các tác động cục đoạn về hạn hán, thiếu nước.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Chương trình/ Kế hoạch; Quyết định phê duyệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030

TT	Tên nhóm nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/ kết quả	Cấp phê duyệt/ ban hành	Thời hạn hoàn thành
V	Huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng					
1	Hoàn thiện hệ thống pháp luật thực thi hợp đồng, giải quyết tranh chấp; có cơ chế đặc thù để xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng phát triển năng lượng tồn đọng kéo dài, gây lãng phí nguồn lực xã hội	Cục Quản lý đất đai; Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục Môi trường (theo chức năng, nhiệm vụ)	Vụ Pháp chế; các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức liên quan	Chương trình/ Kế hoạch; cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
VI	Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia					
1	Tích cực tham gia các sáng kiến, cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Hợp tác quốc tế; các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Chương trình, đề án hợp tác (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
2	Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ xanh từ các quốc gia tiên tiến.	Cục Biến đổi khí hậu; Cục Môi trường (theo chức năng, nhiệm vụ)	Vụ Hợp tác quốc tế; các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan	Chương trình/ Kế hoạch; Quyết định phê duyệt; cơ chế, chính sách (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2030
3	Tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách trong triển khai các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và ứng phó biến đổi khí hậu, gắn với việc bảo vệ các lợi ích và an ninh quốc gia.	Các cục có liên quan (theo chức năng, nhiệm vụ)	Vụ Pháp chế; Vụ Hợp tác quốc tế; các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức liên quan.	Cơ chế, chính sách/ văn bản chỉ đạo, điều hành (lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên).	Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2025 - 2026